

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
XỔ SỐ KIẾN THIẾT HUẾ**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

MST: 3300100025

Số: 189/XSH-KTTV

Huế, ngày 10 tháng 3 năm 2026

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025**

Trong thời gian qua, Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Huế luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, Đảng ủy cấp trên và Hội đồng giám sát xổ số thành phố, Hội đồng Xổ số khu vực miền Trung. Sự hỗ trợ của các Sở, ban, ngành, các Công ty Xổ số kiến thiết khu vực, sự đồng hành của các đại lý, khách hàng. Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo điều hành, chủ động xây dựng các chiến lược, phương án kinh doanh đúng đắn, có tính dự báo khả thi, phù hợp cho mỗi giai đoạn và tình hình, điều kiện thực tế của Công ty. Đội ngũ cán bộ, người lao động của Công ty luôn đoàn kết, có ý thức học hỏi, trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Công ty luôn tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể phát huy vai trò, hoạt động thuận lợi, vận động cán bộ, người lao động thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, chăm lo xây dựng các tổ chức đảng và đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Các Phòng, Văn phòng đại diện (VPĐD) và các tổ chức đoàn thể trong Công ty ngày càng có sự phối kết hợp chặt chẽ đồng bộ nhịp nhàng trong công tác.

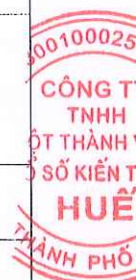
**1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025**

Với sự nỗ lực của Cán bộ, người lao động của Công ty kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 đạt được kết quả như sau:

**Số liệu thực hiện Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025**

| TT | CHI TIẾT             | ĐVT | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 (Tăng 10% so với 2024) | Tỷ lệ % KH/TH | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ % TH/KH | Ghi chú |
|----|----------------------|-----|--------------------|------------------------------------------|---------------|--------------------|---------------|---------|
| 1  | 2                    | 3   | 4                  | 5                                        | 6=5/4         | 7                  | 8=7/5         |         |
| 1  | Tổng số vé phát hành | Vé  | 285.800.000        | 328.500.000                              | 114,94        | 334.700.000        | 101,89        |         |

|   |                                              |         |             |             |        |             |        |  |
|---|----------------------------------------------|---------|-------------|-------------|--------|-------------|--------|--|
| - | Vé xổ số Truyền thống                        | Vé      | 267.000.000 | 315.000.000 | 117,98 | 315.000.000 | 100,00 |  |
| - | Vé xổ số Cào                                 | Vé      | 14.100.000  | 9.000.000   | 63,83  | 15.100.000  | 167,78 |  |
| - | Vé xổ số Bóc                                 | Vé      | 4.700.000   | 4.500.000   | 95,74  | 4.600.000   | 102,22 |  |
| 2 | Tổng số vé tiêu thụ                          | Vé      | 67.881.474  | 68.818.993  | 101,38 | 74.219.892  | 107,85 |  |
| - | Vé xổ số Truyền thống                        | Vé      | 49.226.683  | 55.683.993  | 113,12 | 54.563.981  | 97,99  |  |
| - | Vé xổ số Cào                                 | Vé      | 14.051.875  | 8.820.000   | 62,77  | 15.078.403  | 170,96 |  |
| - | Vé xổ số Bóc                                 | Vé      | 4.602.916   | 4.315.000   | 93,74  | 4.577.508   | 106,08 |  |
| 3 | Doanh thu hoạt động xổ số                    | Tr.đồng | 529.576     | 583.110     | 110,11 | 584.952     | 100,32 |  |
| - | Doanh thu vé xổ số Truyền thống              | Tr.đồng | 492.267     | 556.840     | 113,12 | 545.640     | 97,99  |  |
| - | Doanh thu vé xổ số Cào                       | Tr.đồng | 28.104      | 17.640      | 62,77  | 30.157      | 170,96 |  |
| - | Doanh thu vé xổ số Bóc                       | Tr.đồng | 9.206       | 8.630       | 93,74  | 9.155       | 106,08 |  |
| 4 | Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác | Tr.đồng | 1.335       | 900         | 67,42  | 1.331       | 147,89 |  |
| 5 | Tổng Doanh thu (đã bao gồm thuế VAT, TTĐB)   | Tr.đồng | 530.911     | 584.010     | 110,00 | 586.283     | 100,39 |  |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế                         | Tr.đồng | 26.935      | 10.784      | 40,04  | -6.427      |        |  |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế                           | Tr.đồng | 21.526      | 8.627       | 40,08  | -6.427      |        |  |
| 8 | Nộp ngân sách                                | Tr.đồng | 142.180     | 145.000     | 101,98 | 145.573     | 100,39 |  |
| 9 | Vốn đầu tư                                   | Tr.đồng | 739         | 2.053       |        | 430         |        |  |



## 2. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư

Năm 2025 vốn đầu tư 430 triệu đồng đạt 20,94 % so với kế hoạch năm 2025.

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

Năm 2025 Công ty không có kế hoạch đầu tư phát triển (dự án nhóm B trở lên) theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP**

| TT | Tên dự án                 | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | Vốn vay (tỷ đồng) | Vốn khác (tỷ đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng) | Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...) |
|----|---------------------------|---------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|    | Dự án quan trọng quốc gia |                           |                          |                   |                    |                                                             |                                                   |
|    | Dự án nhóm A              |                           |                          |                   |                    |                                                             |                                                   |
|    | Dự án nhóm B              | Xây dựng trụ sở mới       |                          |                   |                    |                                                             |                                                   |

2. Các khoản đầu tư tài chính: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty trong năm 2025 chủ yếu là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

**BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

| TT  | Tên doanh nghiệp                                       | Vốn điều lệ (tỷ đồng) | Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng) | Tổng tài sản (tỷ đồng) | Doanh thu (tỷ đồng) | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | Lợi nhuận nộp về công ty mẹ | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng) | Tổng nợ phải trả (tỷ đồng) |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------|------------------------|---------------------|--------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|
| 1   | Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ |                       |                                          |                        |                     |                                |                              |                             |                                             |                            |
| 1.1 | Công ty A                                              |                       |                                          |                        |                     |                                |                              |                             |                                             |                            |



|     |                                                            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----|------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 1.2 | Công ty B                                                  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2   | Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Công ty C                                                  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

52

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử- UBND thành phố Huế;
- Sở Tài chính;
- Chủ tịch Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Lưu: VT, KTTV.



**Trần Viết Nguyên**

52